TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/DS-PT
Ngày 12/01/2023
V/v: "*Tranh chấp HĐ vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.
Bà Lê Thị Phương Thanh.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Hà. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLPT-DS ngày 20/10/2022 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V.L bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐ-PT ngày 06/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn K., sinh năm 1962. Có mặt.
và bà Trịnh Thị N. - sinh năm 1965. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Y.T.H, xã V.Y, huyện V.L, tỉnh Thanh Hóa.
- *Người đại diện theo ủy quyền cho bà N.:* Ông Lưu Văn K. – Sinh năm 1962 (Chồng bà N., theo giấy ủy quyền ngày 18/01/2022)). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị K., sinh năm 1967. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn P.L, xã V.Y, huyện V.L, tỉnh Thanh Hóa.

* *Do có kháng cáo của Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo Nguyên đơn ông Lưu Văn K. và bà Trịnh Thị N. trình bày:

Gia đình ông Lưu Văn K., bà Trịnh Thị N. và gia đình bà Trịnh Thị K. có quan hệ quen biết từ lâu, nên ngày 01/01/2017 một mình bà Trịnh Thị K. có đến vay vợ chồng ông K., bà N. số tiền là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*, với mức lãi suất là 1,5%/01 tháng, trong giấy vay bà K. không hẹn ngày trả. Đến ngày 03/02/2019, bà K. trả được cho ông K., bà N. số tiền là 70.000.000 đồng.(Trong đó: bà K. trả tiền mua thức ăn chăn nuôi là 12.882.000 đồng, trả tiền lãi năm 2018 là 36.000.000 đồng, trả tiền gốc là 21.118.000 đồng), số tiền còn nợ

lại là 178.882.000 đồng, tính từ ngày 01/01/2019. Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 23/11/2020, bà K. đã trả được 130.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền gốc bà K. còn nợ lại tính đến ngày 23/11/2020 là 48.882.000 đồng. Sau đó bà K. không trả tiền cho vợ chồng ông K., bà N.. Ông K., bà N. đã nhiều lần yêu cầu bà K. trả nợ, nhưng bà K. cứ khất lần không chịu trả. Nay ông K., bà N. yêu cầu bà Trịnh Thị K. phải trả nợ số tiền gốc và lãi, cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc là 48.882.000 đồng (*Bốn tám triêu, tám trăm, tám hai nghìn đồng*); Số tiền lãi phát sinh trong hạn tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/11/2020 với mức lãi suất trong hạn như hai bên đã thỏa thuận là 1,5%/01 tháng; Số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 24/11/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông K., bà N. rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà K. phải trả số tiền lãi.

2. Theo Bị đơn bà Trịnh Thị K. trình bày:

Ngày 01/01/2017 bà Trịnh Thị K. có vay của vợ chồng ông Lưu Văn K., bà Trịnh Thị N. số tiền là 200.000.000đồng. Lãi suất là 1,5%/ tháng. Vào các thời gian sau bà K. trả nợ cho ông K., bà N. các lần tiền như sau:

Ngày 18/01/2019 trả số tiền 70.000.000đồng; Ngày 03/02/2019 trả: 70.000.000đồng; Ngày 25/6/2019 trả: 20.000.000đồng; Ngày 28/8/2019 trả: 30.000.000đồng; Ngày 30/6/2020 trả: 30.000.000đồng; Ngày 07/7/2020 trả: 20.000.000đồng; Ngày 23/11/2020 trả: 30.000.000đồng; Tổng cộng số tiền đã trả là 270.000.000đ *(Hai trăm bảy mươi triệu đồng).*

Hai bên chưa tính cụ thể số tiền lãi bà K. phải trả cho ông K., bà N.. Nay ông K., bà N. yêu cầu bà K. trả số tiền gốc còn lại là 48.882.000đồng. Số tiền lãi phát sinh trong hạn tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/11/2020 với mức lãi suất trong hạn như hai bên đã thỏa thuận là 1,5%/01 tháng; Số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 24/11/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, bà K. không chấp nhận. Bà K. yêu cầu ông K. tính lại số tiền lãi nếu còn thiếu thì bà sẽ tiếp tục trả nợ cho ông K., bà N., nếu còn thừa so với số tiền đã trả thì yêu cầu ông K., bà N. phải trả lại cho bà K..

* Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện V.L, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 48.882.000 đồng của ông Lưu Văn K., bà Trịnh Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn K., bà Trịnh Thị N. về yêu cầu bà Trịnh Thị K. trả nợ số tiền gốc 48.882.000đ *(Bốn mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).*

3. Buộc bà Trịnh Thị K. phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Lưu Văn K., bà Trịnh Thị N. số tiền là 48.882.000đồng *(Bốn mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).*

- Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Sau khi xét xử, ngày 26/9/2022 bà Trịnh Thị K. (bị đơn) làm đơn kháng với nội dung: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà phải trả 48.882.000đ và đề nghị xem xét lại để đảm bảo quyền lợi cho bà vì bà đã trả 270.000.000 đồng. Ông Vũ Văn X. là chồng bà ký vào giấy vay và quá trình trả trả nợ đều có mặt nhưng Tòa án không đưa ông X. vào tham gia giải quyết vụ án là không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Do đó các đương sự không thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp.

- Quan điểm trình bày và tranh luận của ông Lưu Văn K. (Nguyên đơn): Ngày 01/01/2017 bà K. có vay của vợ chồng ông số tiền là 200 triệu đồng với mức lãi suất là 1,5%/tháng, trong giấy vay không hẹn ngày trả. Ngày 18/01/2019 bà K. trả số tiền 70 triệu đồng nhưng đến ngày 03/02/2019 ông mới tính toán các khoản nợ cho bà K. nên ghi ngày 03/02/2019 (trong đó có khoản tiền mua cám còn nợ 12,882.000đồng, tiền lãi là 36.000.000đồng), số tiền còn lại là 21.118.000đ ông trừ vào tiền gốc vì vậy số tiền gốc còn lại là 178.882.000đ. Bà K. đến nhà để trả số tiền 70.000.000đ vào ngày 18/01/2019, thực tế ngày 03/02/2019 bà K. không trả khoản tiền nào. Đến ngày 25/6/2019 sau khi bà K. trả 20.000.000đ thì giữa ông với bà K. đã chốt nợ với nhau, bà K. thống nhất số nợ gốc còn lại là 178.882.000đ tính từ ngày 01/01/2019 và ghi "K. nợ" vào giấy vay tiền để xác nhận việc chốt nợ này. Cho đến nay thì bà K. vẫn còn nợ của vợ chồng ông 48.882.000đ.

- Quan điểm trình bày và tranh luận của bà Trịnh Thị K. (bị đơn): Ngày 01/01/2017 vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông K., bà N. số tiền là 200 triệu đồng, lãi suất là 1,5%/tháng và đã trả nợ cho ông K., bà N. và ông K. tự mình ghi đầy đủ vào sổ nợ như sau: Ngày 18/01/2019 trả số tiền 70.000.000đ; Ngày 03/02/2019 trả: 70.000.000đ; Ngày 25/6/2019 trả: 20.000.000đ; Ngày 28/8/2019 trả: 30.000.000đ; Ngày 30/6/2020 trả: 30.000.000đ; Ngày 07/7/2020 trả: 20.000.000đ; Ngày 23/11/2020 trả: 30.000.000đ; Tổng cộng 270.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà trả số tiền gốc còn lại là 48.882.000 đồng là không đúng. Bà K. yêu cầu ông K. tính lại số tiền lãi nếu còn thiếu thì bà sẽ tiếp tục trả nợ cho ông K., nếu còn thừa so với số tiền đã trả thì yêu cầu ông K., bà N. phải trả lại cho bà K..

Tại giấy vay tiền ngày 01/01/2017 chồng bà là Vũ Văn X. đã ký vào giấy vay tiền nhưng suốt quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử Tòa án không đưa chồng bà vào tham gia tố tụng là không đảm bảo quyền lợi cho gia đình.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị K. (bị đơn): Theo giấy vay tiền đề ngày 01/01/2017 thể hiện bà Trịnh Thị K. và ông Vũ Văn X. (là vợ chồng) đều ký nhận số tiền vay 200.000.000đ. Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử tại cấp sơ thẩm các bên không có thỏa thuận được với nhau và đều có tranh chấp về các khoản nợ đã trả nhưng không đưa ông Vũ Văn X. là người đã ký vào giấy vay nợ ngày 01/01/2017 đồng thời là chồng bà K. tham gia với tư cách là "Bị đơn" là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Do có những thiếu sót về tố tụng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện V.L để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của bà Trịnh Thị K. (bị đơn):

2.1. Về nội dung tranh chấp: Ngày 01/01/2017 bà Trịnh Thị K. có viết giấy vay 200.000.000đ của vợ chồng ông Lưu Văn K., bà Trịnh Thị N. với mức lãi suất là 1,5%/tháng, trong giấy vay không hẹn ngày trả. Giấy vay tiền có chữ ký của bà Trịnh Thị K. và ông Vũ Văn X. (chồng). Theo ông K. thì ngày 03/02/2019 bà K. trả số tiền là 70.000.000 đồng (Trong đó: bà K. trả tiền mua thức ăn chăn nuôi là 12.882.000 đồng, trả tiền lãi năm 2018 là 36.000.000 đồng, trả tiền gốc là 21.118.000 đồng), số tiền còn nợ lại là 178.882.000 đồng. Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 23/11/2020, bà K. đã trả được 130.000.000 đồng tiền gốc, do đó ông yêu cầu bà K. trả số tiền gốc còn lại tính đến ngày 23/11/2020 là 48.882.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Theo bà Trịnh Thị K., ngày 01/01/2017 vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông Lưu Văn K., bà Trịnh Thị N. số tiền là 200.000.000đồng, lãi suất là 1,5%/ tháng là đúng. Bà đã trả nợ cho ông K., bà N. các lần tiền như sau: Ngày 18/01/2019 trả số tiền 70.000.000đồng; Ngày 03/02/2019 trả 70.000.000đồng; Ngày 25/6/2019 trả 20.000.000đồng; Ngày 28/8/2019 trả 30.000.000đồng; Ngày 30/6/2020 trả 30.000.000đồng; Ngày 07/7/2020 trả 20.000.000đồng; Ngày 23/11/2020 trả 30.000.000đồng. Tổng cộng đã trả là 270.000.000 đồng. Hai bên

chưa tính cụ thể số tiền lãi bà K. phải trả cho ông K., bà N.. Nay ông K., bà N. yêu cầu bà K. trả số tiền gốc còn lại là 48.882.000 đồng bà không chấp nhận. Bà K. yêu cầu ông K. tính lại số tiền lãi nếu còn thiếu thì bà sẽ tiếp tục trả nợ cho ông K. bà N., nếu còn thừa so với số tiền đã trả thì yêu cầu ông K., bà N. phải trả lại cho bà K..

2.2. Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị K.:

Theo giấy vay tiền các bên đã thừa nhận thể hiện: *"Hôm nay ngày 1/1/2017 dương lịch. GĐ tôi Trịnh Thị K. (X.). Đ/c Phố Lưu – V.Y – V.L – TH có vay của GĐ chị N. (K.) với số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất 1,5% tháng. Vậy GĐ tôi làm giấy này nếu sai GĐ tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chồng Vũ Văn X. (đã ký và ghi rõ họ tên), Người vay tiền Trịnh Thị K. (ký và ghi rõ họ tên).*

Tại mặt sau giấy vay tiền, ông Lưu Văn K. đã tự mình ghi cụ thể việc chốt nợ như sau: *"Ngày 03/02/2019 gia đình chú X. K. trả 70.000.000đ được tính toán như sau: trừ tiền mua cám 12.882.000đ, trừ tiền lãi suất năm 2018 36.000.000đ, trừ tiền nợ gốc 21.118.000đồng, tổng gốc còn lại là 178.882.000đ. Thời gian vay gốc từ ngày 01/01/2019; Ngày 25/6/2019 Cô K. X. trả 20.000.000 đồng, phía dưới bà K. ghi: "K. nợ". Ngày 28/8/2019 K. X. trả 30.000.000 đồng; Ngày 30/6/2020 Cô K. X. trả 30.000.000đ; Ngày 07/7/2020 Cô K. X. trả 20.000.000đ; Ngày 23/11/2020 K. X. trả 30.000.000đ"*.

Như vậy theo giấy vay tiền vợ chồng bà K., X. ký, mặt sau giấy do ông K. tự viết thể hiện việc bà K. đã trả nợ với tổng số tiền 200.000.000 đồng, trong đó trừ tiền mua cám 12.882.000đ, trừ tiền lãi năm 2018 là 36.000.000đ, trừ tiền nợ gốc 21.118.000 đồng thì vợ chồng bà K., X. còn nợ vợ chồng ông K., N. số tiền 48.882.000 đồng kể từ ngày 23/11/2020.

Nhưng theo sổ lấy cám "K. – X." do ông Lưu Văn K. nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thể hiện, ngày 18/01/2019 bà K. trả nợ cho ông K., bà N. số tiền 70.000.000 đồng. Ông K. cho rằng khoản tiền này ông ghi vào sổ lấy cám nhưng đến ngày 03/02/2019 ông mới tính toán các khoản nợ cho bà K. nên đã ghi ngày 03/02/2019 (trong đó có khoản tiền mua cám còn nợ 12,882.000đồng, tiền lãi là 36.000.000đồng). Bà K. cho rằng hai khoản này là hai khoản khác nhau, mỗi lần trả nợ bà không ký mà do ông K. tự viết vào mặt sau giấy vay tiền ngày 01/01/2017.

Đối với khoản bà K. trả nợ ngày 18/01/2019 ghi vào sổ lấy cám "K. – X." là 70.000.000đ không phải ghi vào mặt sau của giấy vay nợ ngày 01/01/2017, các bên chưa làm rõ được đây là khoản trả nợ tiền mua cám hay là tiền trả nợ của khoản vay 200.000.000đ để làm cơ sở cho việc thanh toán giữa hai bên. Mặt khác việc bà K. ghi chữ "K. nợ" phía dưới của khoản trả nợ 20.000.000đ vào ngày 25/6/2019, không phải ghi phía dưới khoản nợ 178.882.000 đồng do ông K. tính toán ghi ngày 03/02/2019 đã được gạch ngang phía dưới trước đó hơn 04 tháng. Tại biên bản đối chất ngày 13/7/2022 giữa ông K. và bà K. không thống nhất và các bên vẫn giữ nguyên quan điểm nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ được khoản trả nợ vào ngày 18/01/2019 là tiền thanh toán mua bán cám hay là tiền trả của

khoản vay ngày 01/01/2017. Do đó cần phải làm rõ việc bà K. lấy cám của ông K. có có còn nợ hay không để ông K. trừ tiền mua cám 12.882.000đ vào ngày 18/01/2019.

Mặt khác: Theo giấy vay tiền đề ngày 01/01/2017 thể hiện vợ chồng bà K. X. vay 200.000.000 đồng đều ký và tự ghi tên Trịnh Thị K. và Vũ Văn X.. Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử cấp sơ thẩm đều xác định ông Lưu Văn K. và bà Trình Thị N. (vợ chồng) là Nguyên đơn mặc dù bà N. không có ký vào bất kỳ khoản vay và trả nào của bà K.. Nhưng không xác định và đưa ông Vũ Văn X. là người đã ký vào giấy vay nợ ngày 01/01/2017 đồng thời là chồng bà K. tham gia với tư cách là "Bị đơn" hoặc "Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án" là không triệt để và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Do có những tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm và có những thiếu sót về tố tụng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm không thể khắc phục được, nên cần phải hủy Bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện V.L để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do án bị hủy để giải quyết xét xử lại nên bà K. không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại 300.000đ án phí phúc thẩm đã nộp. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện V.L. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện V.L giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Căn cứ: Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm: Do án bị hủy để giải quyết xét xử lại nên bà Trịnh Thị K. không phải chịu án phí phúc thẩm, đươc trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004760 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.L.

- Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét định khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện V.L;
- Chi cục THADS huyện V.L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng